TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – tự do – hạnh phúc

Bản án Số: 18/2020/HSST
Ngày: 07/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN - TỈNH THANH HOÁ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lê Đăng Tuấn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà: **Đỗ Thị Phương**
2. Ông: **Lưu Minh Sửu**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Cao Thị Bình** - Thư ký Toà án Nhân dân Huyện Thọ Xuân.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên Toà
Bà **Trịnh Thị Phượng** - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2020. tại Toà án nhân dân huyện Thọ xuân, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 19/2020/HSST ngày 17 tháng 4 năm 2020.

Đối với bị cáo: **Lê Thị T** Sinh năm 1977.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu 3 thị trấn X, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: lớp 7/10

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Hà Văn Đ (đã chết) và bà: Lê Thị T (đã chết).

Chồng là Nguyễn Văn N (Đã ly hôn), có 02 con.

Tiền án: Ngày 28/9/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội "chứa mại dâm";

Tiền sự: không;

Bị tạm giữ từ ngày 24/12/2019 đến nay, có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ ngày 24/12/2019, Công an huyệnX kiểm tra, phát hiện tại các phòng nghỉ của quán cà phê Đ ở khu 3 thị trấn Tcó các đôi nam, nữ đang thực hiện hành vi mua, bán dâm. Tại phòng số 1 là cặp đôi Nguyễn Mậu K , Phạm Thúy D tại phòng số 2 là cặp đôi Hà Xuân C , Quách Thị N ; Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính; thu giữ tại phòng D K 01 vỏ bao cao su và 01 bao cao su đã qua sử

dụng, thu tại phòng của C , N 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã qua sử dụng, thu của N 01 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000đ.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét người và chỗ ở đối với Lê Thị T (là chủ quán cà phê), thu giữ trong ví của T 9.302.000đ; thu trong phòng khách và các phòng nghỉ của quán cà phê: 222 bao cao su nhãn hiệu VIP chưa qua sử dụng; thu tại xô rác trước 3 phòng nghỉ: 03 vỏ bao cao su và 12 bao cao su đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Tại quán cà phê Đ do Lê Thị T làm chủ có ba nhân viên nữ gồm Quách Thị N , Phạm Thúy D, Vi Thị Giữa Thanh và các nhân viên nữ thỏa thuận: T để cho các nhân viên ở tại quán, có thu tiền phòng và tiền ăn; các nhân viên thực hiện hành vi bán dâm tại các phòng nghỉ của quán cà phê; nếu có khách đến mua dâm các gái bán dâm sẽ thỏa thuận và trực tiếp thu tiền của người mua dâm với số tiền từ 200.000đ đến 250.000đ/1 lượt/1 người; sau mỗi lần mua bán dâm tại quán thì T được hưởng 100.000đ.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/12/2019, Lương Văn L, Lương Văn N, Hà Xuân C và Nguyễn Mậu K đang đi chơi cùng nhau thì L rủ cả hội đi mua dâm và thống nhất đến quán cà phê Đ. Khi đến nơi thì L và N vào quán trước còn K và C có việc riêng phải đi nên chưa vào. Vào quán N chọn Quách Thị N để mua dâm; N dẫn N vào phòng nghỉ số 2 để quan hệ tình dục (mua, bán dâm). Sau khi N và N mua, bán dâm xong thì L đưa cho N 300.000đ gồm 3 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000đ để thanh toán (bao gồm 250.000đ tiền mua dâm và 30.000đ tiền nước uống). N cầm tiền vào phòng khách đưa cho Lê Thị T rồi lấy 20.000đ T để ở đầu giường ra trả lại tiền thừa cho L

Lúc này K và C cũng đến quán. Khi vào quán C hỏi quán có nhân viên không, T từ trong phòng khách đi ra nói "*còn bốn em, chọn lấy một em mà đi*". Sau đó C và N vào phòng nghỉ số 2; K và D vào phòng nghỉ số 3 để mua, bán dâm. Khi các đôi nam, nữ đang quan hệ tình dục với nhau thì bị phát hiện nên chưa kịp thanh toán tiền.

Vi Thị K khai đã nhiều lần bán dâm tại quán cà phê Đ ; Bùi Thị L mới đến quán vào sáng 24/12/2019, L khai khoảng thời gian năm 2018 L cũng hoạt động bán dâm tại quán cà phê Đ; Tuy nhiên T không khai nhận việc chứa mại dâm đối với K , L và không xác định được người mua dâm nên không có căn cứ chứng minh.

Hành vi của Nguyễn Mậu K , Hà Xuân C , Lương Văn N, Quách Thị N, Phạm Thúy Dđã bị Công an huyện X ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Vật chứng của vụ án và số tiền đã thu giữ gồm: 222 bao cao su nhãn hiệu VIP chưa qua sử dụng; 06 vỏ bao cao su và 15 bao cao su đã qua sử dụng; 9.402.000đ hiện đang quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSTX ngày 16 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố bị cáo Lê Thị T về tội: "Chứa mại dâm" theo khoản 2 Điều 327 BLHS. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Cáo

trạng và quyết định truy tố đối với bị cáo; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Khoản 2 Điều 56; Khoản 5 Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Lê Thị T từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù, cộng với 24 tháng tù cho hưởng án treo theo bản án số: 49/2018 ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tổng hợp hình phạt chung từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, tính từ bắt tạm giam, trừ đi 09 ngày đã bị tạm giữ theo Bản án số 49/2018 ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện X và xử lý tang vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Thị T đã thành khẩn nhận tội, bị cáo công nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng.

Căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà đối chiếu với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của nhân chứng phù hợp đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lê Thị T đã có hành vi 02 lần đồng ý cho gái bán dâm tại quán cà phê Đ của mình trực tiếp quản lý; Hành vi đó đã phạm tội chứa mại dâm, tội phạm bị trừng trị theo khoản 2 Điều 327 BLHS. Viện kiểm sát truy tố bị cáo như cáo trạng số 19 ngày 16/4/2020 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và xử lý: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Vì hám lợi mà bị cáo đã lợi dụng cả thân xác của người khác để kiếm tiền, việc làm đó là trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc ta và còn có khả năng gieo rắc bệnh tật nguy hiểm qua nhiều người, dư luận quần chúng nhân dân bất bình. Vì vậy vụ án phải xử lý nghiêm thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng đó là "tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS ngoài ra bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 BLHS vì năm 2016 được Chủ tịch ủy ban nhân dân thị trấn T tặng

giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác vệ sinh, môi trường. vì vậy có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Hội đồng xét xử cũng xét thấy bị cáo lần thứ 2 bị truy tố ra trước pháp luật, coi thường pháp luật và là đối tượng nguy hiểm cho xã hội nên cần thiết phải cách ly khỏi xã hội để cải tạo, gíao dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung, xử lý tài sản: Do hiện tại gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đã ly hôn chồng, hiện đang nuôi con bị tàn tật. Đối với quán cà phê là tài sản và là chỗ ở chung của cả con cái, nên không áp dụng phạt bổ sung bằng tiền không xử lý tài sản nơi xảy ra việc mua bán dâm.

[6] Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 222 bao cao su nhãn hiệu VIP chưa qua sử dụng; 06 vỏ bao cao su và 15 bao cao su đã qua sử dụng; 9.402.000đ hiện đang quản lý theo quy định của pháp luật tất cả vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Xét thấy số tiền 250.000đ trong tổng tiền số 9.402.000đ là do bị cáo phạm tội mà có nên phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. số tiền còn lại 9.152.000đ tiền bán nước, không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo theo Biên bản về việc giao nhân vật chứng, tài sản số: 32 ngày 23/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thọ Xuân; còn lại 222 bao cao su nhãn hiệu VIP chưa qua sử dụng; 06 vỏ bao cao su và 15 bao cao su đã qua sử dụng; là vật chứng của vụ án, nay không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo Biên bản về việc giao nhân vật chứng, tài sản số: 32 ngày 23/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thọ Xuân;

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐINH

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T phạm tội "Chứa mại dâm".

- Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 327; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Khoản 2 Điều 56; Khoản 5 Điều 65 BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, cộng với 24 tháng tù của Bản án số: 49/2018/HSST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện X Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng được trừ đi 09 (chín) ngày đã bị tạm giữ của bản án số: 49/2018/HSST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện X. **Bị cáo T còn phải chấp hành hình phạt tù là 07 năm 05 tháng 21 ngày,** Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (24/12/2019).

***- Xử lý vật chứng*:** Căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

- Tịch thu số tiền 250.000 đồng là vật chứng trong vụ án để sung vào ngân sách nhà nước; trả lại cho bị cáo Thanh 9.152.000đ.

- Tuyên tịch thu, tiêu hủy 222 bao cao su nhãn hiệu VIP chưa qua sử dụng; 06 vỏ bao cao su và 15 bao cao su đã qua sử dụng. Toàn bộ số tiền tịch thu và tiền trả lại

cho bị cáo cùng vật chứng bị tiêu hủy trên theo Biên bản về việc giao nhân vật chứng, tài sản số: 32 ngày 23/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự X

***- Về án phí*:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Toà án. Buộc Bị cáo Lê Thị T phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Công an huyện
- VKSND
- Toà án ND tỉnh
- Sở tư pháp
- Bị cáo
- THA dân sự
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Lê Đăng Tuấn